

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q3

MST: 0304772590

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

Số: 42/2024/CV-LHC

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau
thuế Quý III năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả kinh doanh Quý III năm 2024 của công ty được nêu trong báo cáo tài chính Quý III năm 2023;

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ đầu tư Lighthouse xin báo cáo và giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau:

1. Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp QII/2024:

CHỈ TIÊU	QUÝ		TĂNG/GIẢM	TỶ LỆ
	QIII/2024	QIII/2023		
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	486.182.008	149.309.187	336.872.821	226%
Chi phí hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	486.182.008	149.309.187	336.872.821	226%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.746.686.332	2.847.715.510	-1.101.029.178	-39%
Chi phí tài chính	-988.937.256	28.238.805	-1.017.176.061	-3.602%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.468.083.838	2.163.947.644	304.136.194	14%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	753.721.758	754.403.248	-681.490	0%
Lợi nhuận khác	5.459.749	237.272.727	-231.812.978	-98%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	753.721.761	806.498.392	-52.776.631	-7%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	196.222.975	118.872.481	77.350.494	65%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	557.498.786	687.625.911	-130.127.125	-19%

2. Nguyên nhân biến động lợi nhuận:

- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trong QIII/2024 phát sinh tăng gần 337 triệu (tương đương 226%) so với cùng kỳ năm ngoái. Lý do QIII/2024 công ty tăng thêm phí quản lý từ nghiệp vụ Quản lý Danh mục đầu tư và phí Quản lý quỹ mới.
- Doanh thu hoạt động tài chính thực hiện trong QIII/2024 giảm hơn 1.101 triệu (tương đương 39%) so với cùng kỳ năm trước do thị trường chứng khoán giai đoạn QIII/2024 có dấu hiệu đi xuống so với QIII/2023 dẫn đến công ty hạn chế thực hiện giao dịch đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ.
- Chi phí tài chính thực hiện trong QIII/2024 giảm hơn 1.017 triệu (tương đương 3.602%) so với cùng kỳ năm trước. Lý do tăng đột biến là do phát sinh tăng các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện trong QIII/2024 tăng hơn 304 triệu (tương đương 14%) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân công ty tăng thêm nhân sự để bổ sung nhân lực cho việc quản lý quỹ mới so với cùng kỳ năm trước.

Vì các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN QIII/2024 giảm hơn 130 triệu (tương đương 19%) so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình về biến động lợi nhuận trên báo cáo tài chính Quý III năm 2024 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Lighthouse, xin báo cáo để Ủy Ban Chứng Khoán được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu công ty.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lê Đình Quang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/24	01/01/24
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 +120+130+140+150)	100		38.137.840.877	36.910.061.507
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.304.165.882	1.608.748.565
1. Tiền	111		7.304.165.882	1.608.748.565
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	30.406.166.572	35.113.846.586
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30.690.070.614	35.113.846.586
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(283.904.042)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	306.017.321	52.724.748
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132		27.000	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		263.443.732	52.724.748
5. Các khoản phải thu khác	135		42.546.589	
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		121.491.102	134.741.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		121.491.102	125.741.608
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			9.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.520.501.725	1.826.584.922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220	V.04	1.201.779.187	1.349.665.401
1. Tài sản cố định hữu hình	221		104.115.797	148.777.757
- Nguyên giá	222		297.746.500	297.746.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(193.630.703)	(148.968.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.097.663.390	1.200.887.644
- Nguyên giá	228		1.764.500.000	1.618.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(666.836.610)	(417.612.356)

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		20.000.000	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.05	298.722.538	476.919.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		111.102.538	289.299.521
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		187.620.000	187.620.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		39.658.342.602	38.736.646.429

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/24	01/01/24
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		568.932.265	581.921.059
I. Nợ ngắn hạn	310		568.932.265	581.921.059
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	V.06	67.500.000	48.802
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	367.840.611	260.318.380
5. Phải trả người lao động	315	V.08		176.160.000
6. Chi phí phải trả	316		63.545.454	80.505.335
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	23.257.984	18.100.325
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		46.788.216	46.788.217
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339			
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VII	39.089.410.337	38.154.725.370
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	412			

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

3. Quỹ dự phòng tài chính	413			
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	414		3.956.404.221	3.021.719.254
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	415		133.006.116	133.006.116
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		39.658.342.602	38.736.646.429

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

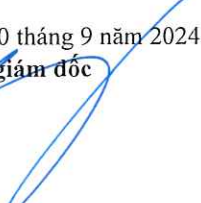
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/24	01/01/24
1	2	3	4	5
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2		-	-
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		25.703.120.000	28.402.770.000
Trong đó:			0	0
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		25.703.120.000	28.402.770.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013			
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		6.949.220,00	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		6.949.220,00	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		28.350.000.000	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	V.10	28.350.000.000	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050			-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.11	136.683.251	-

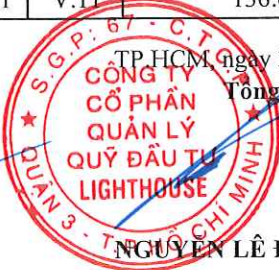
Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2024
Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2024	2023	2024	2023
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu	01	VI.1	486.182.008	149.309.187	920.104.883	484.614.575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		486.182.008	149.309.187	920.104.883	484.614.575
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2		50.435.000		50.435.000
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		486.182.008	98.874.187	920.104.883	434.179.575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.746.686.332	2.847.730.359	7.488.697.859	6.336.388.042
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	- 988.937.256	28.238.805	347.255.865	53.066.760
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.468.083.838	2.163.962.493	6.835.153.288	5.769.724.809
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		753.721.758	754.403.248	1.226.393.589	947.776.048
10. Thu nhập khác	31	VI.6	5.459.749	289.367.871	5.459.749	392.076.155
11. Chi phí khác	32	VI.7	5.459.746	185.177.583	5.459.746	287.915.867
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3	104.190.288	3	104.160.288
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		753.721.761	858.593.536	1.226.393.592	1.051.936.336
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	196.222.975	118.872.481	196.222.975	118.872.481
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-		-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		557.498.786	739.721.055	1.030.170.617	933.063.855
18. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B03 - CTQ
(Ban hành theo TT số 125 /2011 /TT-BTC
ngày 05 /09/ 2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý III năm 2024

Đơn vị tính: VND

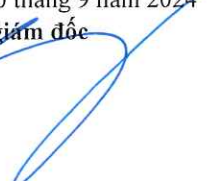
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(670.496.151)	(562.417.650)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.207.248.173)	(935.255.971)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		544.737.448	431.865.409
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(432.498.215)	(561.273.774)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.765.505.091)	(1.627.081.986)
				0
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(116.000.000)	(116.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			52.095.144
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(34.100.000)	(25.672.085.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.192.780.000	16.128.140.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.548.742	2.494.027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.044.228.742	-9.605.855.829
				0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50			0
			1.278.723.651	-1.232.937.815
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.025.442.231	2.986.586.849
				0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		7.304.165.882	1.753.649.034

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2024
Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý III năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số cuối kỳ	
	Quý III/2023	Quý III/2024	Quý III/2023		Quý III/2024		Quý III/2023	Quý III/2024
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	35.000.000.000	10.000.000.000				35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần								
3. Vốn khác của chủ sở hữu								
4. Cổ phiếu quỹ (*)								
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								
7. Quỹ đầu tư phát triển								
8. Quỹ dự phòng tài chính								
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.006.116	133.006.116					133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	2.027.205.145	3.398.905.435	687.625.911	(76.921.306)	828.003.159	(270.504.373)	2.677.831.469	3.956.404.221
TỔNG CỘNG	27.160.211.261	38.531.911.551	10.687.625.911	(76.921.306)	828.003.159	(270.504.373)	37.810.837.585	39.089.410.337

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 131/GPĐC-UCK ngày 31/12/2021 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 11 ngày 12/01/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Tên tiếng Anh : Lighthouse Fund Management Joint Stock Company
Trụ sở chính : Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, p.Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng.)
Nghịệp vụ kinh doanh : + Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
+ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
Người đại diện pháp luật: Nguyễn Lê Đình Quang - Tổng Giám đốc

Tổng số công nhân viên 19 người

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong Quý III năm 2024 doanh thu chủ yếu là lãi đầu tư tài chính (lãi từ việc đầu tư chứng khoán) và doanh thu từ nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2 - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)
- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)
- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2024

Tài sản cố định hữu hình	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 ~ 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 ~ 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 ~ 5

Tài sản cố định vô hình	Số năm
TSCĐ vô hình khác	1 ~ 5

3 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

5 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả và trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6 - Các quỹ dự trữ bắt buộc.

Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ Tài chính về việc hủy trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ theo thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7 - Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2024

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

10 - Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

- **Các khoản mục không có số dư:** Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

- **Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:** Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2024

Đvt: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/24	01/01/24
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.304.165.882	1.608.748.565
a. Tiền	144.569.891	84.120.009
- Tiền mặt	511.227.690	243.090.890
- Tiền gửi ngân hàng		
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKK - tk tăng vốn	14	14
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKK - tk thanh toán	491.476.239	234.019.625
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKK - tk cà thẻ	16.415.306	4.668.133
+ Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Hàm Nghi	3.336.131	4.403.118
- Tiền tại công ty chứng khoán	6.648.368.301	1.281.537.666
+ Chứng khoán Bảo Minh - TK086C898680	6.648.368.301	1.281.537.666
b. Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	7.304.165.882	1.608.748.565
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.690.070.614	35.113.846.586
a. Chứng khoán kinh doanh		
- Cổ phiếu		
+ Chứng khoán vốn đã niêm yết		
Mã BMS	59	54
Mã DBD	192.937	154.350
Mã DCF	129.600	85.700
Mã NAB	2.247.716	2.600.173
Cộng	2.570.312	2.840.277
b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư		
Chứng khoán kinh doanh	30.690.070.614	35.113.846.586
+ Cổ phiếu	30.690.070.614	35.113.846.586
Cộng	30.690.070.614	35.113.846.586
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	306.017.321	52.724.748
Phải thu khách hàng		
a. Phải thu khách hàng		
- Cổ tức chờ về bằng tiền		
- Thu tiền bán chứng khoán		
b. Trả trước cho người bán	27.000	-
- Công Ty TNHH TM DV DLVT Sao Việt	27.000	
c. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	263.443.732	52.724.748
- Quỹ LHBF	62.054.865	52.724.748
- Quỹ LHCDF	66.610.178	-
- Quản lý danh mục đầu tư	134.778.689	-
d. Các khoản phải thu khác	42.546.589	-
- Phải thu quỹ mở LHBF	28.672.421	-
- Phải thu quỹ mở LHCDF	13.874.168	-
- Khác	-	-
Cộng	306.017.321	52.724.748

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2024

4. Tăng, giảm tài sản cố định

a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

		Máy móc, thiết bị văn phòng	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	01/01/24	155.870.000	141.876.500		297.746.500
Mua sắm mới		-	-		-
Thanh lý, nhượng bán		-	-		-
Số dư cuối kỳ	30/09/24	155.870.000	141.876.500	-	297.746.500
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	01/01/24	104.731.152	74.012.231		178.743.383
Khấu hao trong kỳ		7.793.496	7.093.824		14.887.320
Giảm trong kỳ		-	-		-
Số dư cuối kỳ	30/09/24	112.524.648	81.106.055	-	193.630.703
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày	01/01/24	51.138.848	67.864.269	-	119.003.117
2. Tại ngày	30/09/24	43.345.352	60.770.445	-	104.115.797

b. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

		Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
		2135	2138	213
Số dư đầu năm	01/01/24	570.000.000	1.098.500.000	1.668.500.000
Mua sắm mới		96.000.000	-	96.000.000
Thanh lý, nhượng bán		-	-	-
Số dư cuối kỳ	30/09/24	666.000.000	1.098.500.000	1.764.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
		21435	21438	2143
Số dư đầu năm	01/01/24	276.311.821	306.027.435	582.339.256
Khấu hao trong kỳ		29.566.667	54.930.687	84.497.354
Giảm trong kỳ		-	-	-
Số dư cuối kỳ	30/09/24	305.878.488	360.958.122	666.836.610
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày	01/01/24	293.688.179	792.472.565	1.086.160.744
2. Tại ngày	30/09/24	360.121.512	737.541.878	1.097.663.390

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2024

5. Tài sản dài hạn khác

a. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí trả trước dài hạn thiết bị văn phòng
- Chi phí trả trước sửa chữa văn phòng
- Chi phí trả trước dịch vụ CNTT
- Chi phí trả trước khác
- Chi phí trả trước bộ nhận diện thương hiệu Lighthouse
- Chi phí trả trước sử dụng tên miền lighthousecapital.Com.Vn & .Vn

b. Tài sản dài hạn khác: (Đặt cọc thuê văn phòng)

- Cọc vỏ bình nước
- Cty Cổ phần đầu tư SB Space 65 - Đặt cọc thuê văn phòng

Cộng

6. Phải trả người bán

- CT TNHH DV TV TC KT Và Kiểm Toán Phía Nam
- CT TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT

Cộng

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ quỹ
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư uỷ thác

Cộng

8. Phải trả người lao động

- Lương tháng 13/2023

Cộng

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn
- Khác

Cộng

	30/09/24	01/01/24
5. Tài sản dài hạn khác	111.102.538	289.299.521
a. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí trả trước dài hạn thiết bị văn phòng	45.033.784	128.021.843
- Chi phí trả trước sửa chữa văn phòng	15.198.090	151.980.774
- Chi phí trả trước dịch vụ CNTT	25.537.333	7.320.000
- Chi phí trả trước khác	23.466.667	
- Chi phí trả trước bộ nhận diện thương hiệu Lighthouse	-	1.888.904
- Chi phí trả trước sử dụng tên miền lighthousecapital.Com.Vn & .Vn	1.866.664	88.000
b. Tài sản dài hạn khác: (Đặt cọc thuê văn phòng)	187.620.000	187.620.000
- Cọc vỏ bình nước	420.000	420.000
- Cty Cổ phần đầu tư SB Space 65 - Đặt cọc thuê văn phòng	187.200.000	187.200.000
Cộng	298.722.538	476.919.521
	-	-
6. Phải trả người bán	30/09/24	01/01/24
- CT TNHH DV TV TC KT Và Kiểm Toán Phía Nam	67.500.000	
- CT TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT	-	48.802
Cộng	67.500.000	48.802
	-	-
7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/09/24	01/01/24
- Thuế giá trị gia tăng	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	196.222.975	209.163.967
- Thuế thu nhập cá nhân	75.071.047	51.154.413
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ quỹ	2.046.589	
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư uỷ thác	94.500.000	
Cộng	367.840.611	260.318.380
	-	-
8. Phải trả người lao động	30/09/24	01/01/24
- Lương tháng 13/2023	-	176.160.000
Cộng	-	176.160.000
	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/09/24	01/01/24
- Kinh phí công đoàn	18.257.984	13.100.325
- Khác	5.000.000	5.000.000
Cộng	23.257.984	18.100.325
	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2024

10. Nhà đầu tư ủy thác trong nước: Nguyễn Thị Bích Trâm

Cổ phiếu đăng ký giao dịch: RYG

- Số lượng

- Giá trị thị trường

30/09/24

01/01/24

1.890.000

28.350.000.000

11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

- Phí quản lý danh mục

- Phí lưu ký của ngân hàng

- Phí lưu ký của vsd

Cộng

30/09/24

01/01/24

134.778.689

1.394.262

510.300

136.683.251

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh

- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư

- Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Cộng

Quý III/2024

Quý III/2023

106.893.443

149.309.187

379.288.565

486.182.008

149.309.187

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

- CP hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Cộng

Quý III/2024

Quý III/2023

50.435.000

50.435.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi từ hoạt động đầu tư

- Lãi tiền gửi không kỳ hạn

- Tiền cổ tức

Cộng

Quý III/2024

Quý III/2023

1.745.148.938

2.826.836.332

1.537.394

2.494.027

18.400.000

1.746.686.332

2.847.730.359

4. Chi phí tài chính

- Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán

- Dự phòng giảm giá đầu tư

- Phí mua bán chứng khoán và chi phí khác

Cộng

Quý III/2024

Quý III/2023

(1.004.039.751)

15.102.495

28.238.805

(988.937.256)

28.238.805

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2024

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí thuê văn phòng
- Chi phí vật liệu
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ
- Chi phí công tác
- Chi phí thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Quý III/2024	Quý III/2023
1.645.418.521	1.211.672.595
99.384.674	106.238.223
252.665.690	221.541.750
4.570.000	
83.371.651	103.337.210
	800.000
58.491.279	54.963.570
212.074.225	268.889.099
112.107.798	196.520.046
2.468.083.838	2.163.962.493

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Ông Hồ Hoàng Lâm
- Cổ đông khác

Cộng

Quý III/2024	Quý III/2023
14.077.000.000	10.055.000.000
20.923.000.000	14.945.000.000
35.000.000.000	25.000.000.000

b. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành
 - cổ phiếu phổ thông
 - cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - cổ phiếu phổ thông
 - cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND

Quý III/2024	Quý III/2023
3.500.000	2.500.000
3.500.000	2.500.000
3.500.000	2.500.000
-	-
-	-
3.500.000	2.500.000
3.500.000	2.500.000
-	-

Người lập



BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng



BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG